

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,268.57	0.01	-5.43	-3.66
HNX	313.29	-0.52	-9.24	2.76
UPCOM	94.95	0.18	-6.13	14.31
MSCI EM	1,019.59	0.26	-2.84	-24.58
NIKKEI	26,604.84	-0.27	-0.36	-7.11
HANG SENG	20,119.92	-0.25	0.93	-31.02
KOSPI	2,612.45	-0.18	-2.09	-17.55
FTSE	7,540.40	0.23	2.09	7.31
S&P 500	3,978.73	0.95	-4.71	-5.18
NASDAQ	11,434.74	1.51	-8.45	-16.77

Nhận định thị trường

Giảng co mạnh trong phiên

Lực cầu vẫn hỗ trợ tốt giúp cho VN-Index duy trì được sắc xanh trong suốt thời gian giao dịch phiên sáng. Thế nhưng áp lực bán gia tăng ở cuối phiên chiều đã khiến cho đà tăng có phần bị thu hẹp và có lúc chìm trong sắc đỏ. Kết phiên, chỉ số VN-Index thay đổi không đáng kể với mức tăng 0,14 điểm, tương ứng với 0,01% dừng chân tại 1,268 điểm. Thanh khoản khớp lệnh giảm 12%, đạt 514 triệu đơn vị, tương ứng với giá trị khớp lệnh đạt hơn 12,991 tỷ đồng.

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.64	2.14	15.93
SET INDEX	18.19	1.20	9.20
JCI INDEX	16.26	2.09	13.07
PCOMP INDEX	19.03	1.63	8.96

Nhóm cổ phiếu thép và chứng khoán có sự phục hồi giúp cho đà giảm của thị trường chung thu hẹp lại với nhiều mã đóng cửa tăng điểm như: HPG (1,6%), HSG (+2,4%), NKG (+1,2%), SSI (+2,3%) và HCM (+1,9%)

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.39	3	25	126
10 năm	3.13	1	13	83

Khối ngoại chuyển sang bán ròng mạnh với hơn 277 tỷ đồng trên cả 2 sàn. Trong đó, HPG tiếp tục bị bán ròng mạnh với 103 tỷ đồng, và VIC bị bán hơn 65 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, DGC mua ròng nhẹ với gần 31 tỷ đồng.

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,205	-0.03	-0.99	-0.69
US\$/KRW	1,268	-0.24	-1.32	-11.89
US\$/JPY	127	0.51	0.44	-13.83
US\$/EUR	0.94	-0.04	-0.44	14.12
US\$/GBP	0.80	-0.01	-0.04	12.24
US\$/SGD	1.37	0.10	0.34	-3.65

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeeasset.com.vn

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	677	607	976
HNX	87	69	132
UPCOM	38	30	74

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	4	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	4	KHẢ QUAN
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/05/2022)	Kháng cự 1	1.280
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.300
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.200
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.150

VN-Index đang kiểm định ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn quanh vùng 1,280 điểm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

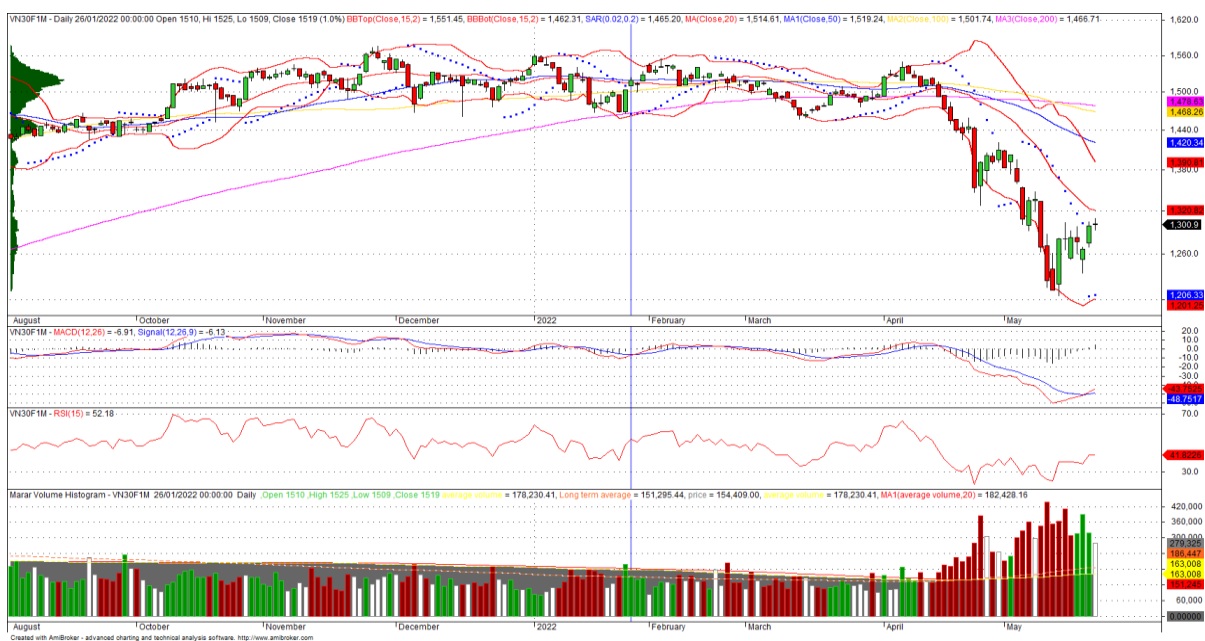
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (26/05/2022)	1.300	Kháng cự 1 1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.450
VN30 - đóng cửa	1.309	Hỗ trợ 1 1.260
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-8,6	Hỗ trợ 2 1.200

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

Hợp đồng tháng 6 đang có xu hướng tiến về và kiểm định ngưỡng kháng cự mạnh của mình quanh vùng 1,320

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
----	-------	--------------	--------------	-----------------------	------------------------	---------------------

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SSI	29.7	16,654,885	5	KHẢ QUAN	29,237	9.7	2.0	495
GEX	23.7	12,876,640	5	KHẢ QUAN	20,095	17.5	1.6	305
TCB	36.7	7,392,855	5	KHẢ QUAN	128,851	6.7	1.3	271
FPT	105.6	2,351,670	5	KHẢ QUAN	96,539	20.5	5.0	248
NKG	30.1	5,639,600	5	KHẢ QUAN	6,604	2.6	1.1	170
KBC	43.95	3,645,255	5	KHẢ QUAN	25,303	38.1	1.7	160
VCI	39.2	3,709,040	5	KHẢ QUAN	13,054	8.0	1.8	145
FRT	124.5	1,068,015	5	KHẢ QUAN	9,833	17.0	5.4	133
VRE	29.6	4,054,620	5	KHẢ QUAN	67,261	73.8	2.2	120
HCM	24.45	4,186,335	5	KHẢ QUAN	11,179	9.3	1.5	102
REE	83.8	1,195,590	5	KHẢ QUAN	29,783	14.0	2.2	100
ACB	30.35	3,055,950	5	KHẢ QUAN	82,004	7.9	1.7	93
DGW	121.5	689,630	5	KHẢ QUAN	11,044	14.2	5.4	84
HDC	62.3	1,235,320	5	KHẢ QUAN	5,387	16.2	3.5	77
VPI	61.4	1,211,480	5	KHẢ QUAN	13,508	33.3	4.4	74
VIX	13	5,426,220	5	KHẢ QUAN	7,139	6.3	1.2	71
TCH	13.9	4,347,915	5	KHẢ QUAN	9,288	17.6	1.0	60
LDG	13.6	4,201,065	5	KHẢ QUAN	3,256	24.0	1.0	57
HDG	50.5	1,121,475	5	KHẢ QUAN	10,294	9.8	2.2	57
PLX	42.55	1,299,725	5	KHẢ QUAN	54,064	21.8	2.1	55
AAA	12.75	4,135,675	5	KHẢ QUAN	4,162	13.0	0.9	53
BID	35.1	1,349,020	5	KHẢ QUAN	177,554	15.5	2.0	47
VGC	40.2	1,103,270	5	KHẢ QUAN	18,024	10.9	2.3	44
SBT	17.35	2,325,335	5	KHẢ QUAN	10,916	15.2	1.3	40
APS	21.3	1,807,510	5	KHẢ QUAN	1,768	2.9	1.2	38
TSC	10.15	3,630,690	5	KHẢ QUAN	1,998	12.5	0.9	37
CTD	49.4	691,810	5	KHẢ QUAN	3,649	#N/A N/A	0.4	34
DIG	59.4	8,534,180	4	KHẢ QUAN	29,494	27.9	4.0	507
STB	22.4	19,012,716	4	KHẢ QUAN	42,229	10.7	1.2	426
DGC	224.9	1,464,595	4	KHẢ QUAN	38,476	11.9	5.3	329
PVS	28.4	11,586,175	4	KHẢ QUAN	13,574	20.2	1.1	329
DPM	57	5,131,505	4	KHẢ QUAN	22,110	4.4	1.8	292
VND	24.35	10,201,910	4	KHẢ QUAN	29,654	7.0	1.8	248
MBB	27.65	8,540,725	4	KHẢ QUAN	104,471	7.6	1.6	236
NVL	78	2,883,810	4	KHẢ QUAN	152,083	36.0	4.2	225

CEO	43.3	4,779,900	4	KHẢ QUAN	11,143	75.9	3.7	207
DCM	35.3	5,472,355	4	KHẢ QUAN	18,688	6.3	2.1	193
HSG	21.7	8,814,640	4	KHẢ QUAN	10,709	3.0	0.9	191
MWG	139	1,341,000	4	KHẢ QUAN	101,728	19.8	4.5	186
IDC	52.1	2,969,080	4	KHẢ QUAN	15,630	23.8	3.8	155
SHB	15.1	10,184,545	4	KHẢ QUAN	40,270	6.3	1.1	154
VNM	71.3	2,131,040	4	KHẢ QUAN	149,014	16.2	4.6	152
PVD	21.9	6,789,040	4	KHẢ QUAN	11,067	194.7	0.8	149
SHS	18	8,253,420	4	KHẢ QUAN	7,806	5.8	1.4	149
CTG	26.7	4,938,310	4	KHẢ QUAN	128,314	10.4	1.3	132
BCG	21.4	6,153,415	4	KHẢ QUAN	10,771	9.7	1.7	132
CII	21.95	5,396,130	4	KHẢ QUAN	5,536	17.3	1.0	118
MSN	108.6	1,060,105	4	KHẢ QUAN	153,847	15.4	5.6	115
HAG	9.08	12,525,980	4	KHẢ QUAN	8,421	16.4	1.8	114
HBC	21.6	4,690,490	4	KHẢ QUAN	5,306	48.2	1.4	101
VCG	26.9	3,632,055	4	KHẢ QUAN	11,882	14.2	1.8	98
TPB	31.6	3,031,850	4	KHẢ QUAN	49,983	9.6	1.8	96
HUT	28.2	3,282,775	4	KHẢ QUAN	9,831	53.7	2.5	93
ITA	12	7,435,350	4	KHẢ QUAN	11,260	51.0	1.0	89
IDI	23.65	3,605,395	4	KHẢ QUAN	5,384	17.0	1.7	85
LPB	15.2	5,438,635	4	KHẢ QUAN	22,855	6.9	1.2	83
ASM	18.05	4,437,585	4	KHẢ QUAN	6,074	8.7	1.2	80
TNG	30.9	2,497,060	4	KHẢ QUAN	2,864	10.6	2.0	77
KDC	54.6	1,357,065	4	KHẢ QUAN	13,739	22.4	2.1	74
PNJ	114.3	645,050	4	KHẢ QUAN	27,702	21.0	3.5	74
CTR	81.9	896,150	4	KHẢ QUAN	7,610	19.4	5.4	73
GAS	107.6	640,225	4	KHẢ QUAN	205,941	21.1	3.8	69
PVT	20.65	3,334,015	4	KHẢ QUAN	6,683	9.9	1.2	69
HDB	25.55	2,668,860	4	KHẢ QUAN	51,412	7.9	1.6	68
SCR	13.25	4,248,780	4	KHẢ QUAN	4,854	23.2	1.0	56
FCN	17.4	2,974,330	4	KHẢ QUAN	2,739	48.7	1.0	52
LCG	15.3	3,372,270	4	KHẢ QUAN	2,638	13.4	1.1	52
IDJ	21	2,370,105	4	KHẢ QUAN	3,088	13.1	1.8	50
KSB	34	1,395,600	4	KHẢ QUAN	2,594	12.1	1.4	47
KDH	41.45	1,093,210	4	KHẢ QUAN	26,650	22.1	2.5	45
GVR	25.35	1,751,360	4	KHẢ QUAN	101,400	23.1	2.0	44
PVC	23	1,820,970	4	KHẢ QUAN	1,150	532.3	1.6	42
CMX	19.45	1,946,940	4	KHẢ QUAN	1,766	13.1	1.6	38
PET	39.55	880,460	4	KHẢ QUAN	3,553	12.4	1.9	35
VHC	102	1,797,005	3	TRUNG TÍNH	18,558	12.2	2.9	183
NLG	47.25	3,120,985	3	TRUNG TÍNH	18,094	24.9	2.1	147
ANV	47.5	1,697,560	3	TRUNG TÍNH	6,039	22.2	2.4	81
MIG	28	2,289,165	3	TRUNG TÍNH	4,004	15.7	2.2	64
PC1	35.7	1,262,265	3	TRUNG TÍNH	8,395	11.0	1.7	45
TTF	9.71	4,536,900	3	TRUNG TÍNH	3,821	69.9	9.6	44
VPB	31.05	12,541,865	2	TRUNG TÍNH	138,032	8.0	1.6	389
VHM	68.7	4,444,190	2	TRUNG TÍNH	299,145	7.8	2.3	305
DXG	27.2	8,329,535	2	TRUNG TÍNH	16,525	18.1	1.8	227

BSR	23.8	7,138,205	2	TRUNG TÍNH	73,792	11.3	2.0	170
POW	13.15	11,476,080	2	TRUNG TÍNH	30,796	15.3	1.1	151
GMD	53.7	2,602,360	2	TRUNG TÍNH	16,184	23.8	2.5	140
VCB	76.1	1,083,710	2	TRUNG TÍNH	362,984	15.8	3.1	82
HQC	5.58	11,169,465	2	TRUNG TÍNH	2,659	327.6	0.6	62
VGT	19.4	1,957,660	2	TRUNG TÍNH	9,700	12.4	1.4	38
HAH	80	1,963,345	1	TRUNG TÍNH	5,464	9.9	3.3	157
VIC	77.6	2,169,995	0	TRUNG TÍNH	296,343	#N/A N/A	2.8	168
PDR	53.6	2,335,265	0	TRUNG TÍNH	36,000	19.3	4.9	125
BVH	53.5	1,810,110	-2	TRUNG TÍNH	39,714	20.9	1.8	97
VJC	125	576,215	-2	TRUNG TÍNH	67,701	345.8	4.0	72
VSC	46.9	1,397,605	-2	TRUNG TÍNH	5,171	15.5	1.9	66
BCM	74.4	468,005	-2	TRUNG TÍNH	77,004	62.5	4.7	35
VPG	46.3	748,655	-2	TRUNG TÍNH	3,376	6.5	2.2	35
HPG	35	20,943,716	-4	TIÊU CỰC	156,552	4.7	1.6	733
PVX	5.1	7,225,015	-4	TIÊU CỰC	2,040	28.2	7.3	37
FLC	6.2	11,962,725	-5	TIÊU CỰC	4,402	#N/A N/A	0.5	74

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Fed có thể tăng lãi suất thêm 1% sau hai kỳ họp tới

Các quan chức Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) nhấn mạnh nhu cầu tăng nhanh lãi suất và có thể lên cao hơn ngưỡng mà thị trường dự báo nhằm “đập tắt” lạm phát, theo nội dung biên bản cuộc họp mới được công bố. Không chỉ đồng tình cao với phương án tăng lãi suất thêm 0,5% hồi đầu tháng, các thành viên của Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) cho biết những đợt tăng lãi suất tương tự trong tương lai là cần thiết. “Phần lớn các thành viên đánh giá mức tăng 0,5% là phù hợp trong hai lần họp tới”, theo nội dung biên bản. 0,5% là mức tăng lãi suất lớn nhất trong 22 năm qua, thể hiện quyết tâm kéo giảm lạm phát, hiện tiệm cận đỉnh 40 năm, của Fed. Thị trường dự báo Fed sẽ tăng lãi suất lên ngưỡng 2,5-2,75% vào cuối năm nay. Tuy nhiên, mức lãi suất thực tế có thể cao hơn. “Tất cả các thành viên của FOMC đều khẳng định quyết tâm và cam kết phục hồi ổn định giá cả”, theo nội dung biên bản.

HAH: Hơn 19,5 triệu cổ phiếu giao dịch từ ngày 6/6

Vận tải & Xếp dỡ Hải Anh ([HoSE: HAH](#)) thông báo Sở giao dịch chứng khoán TP HCM chấp thuận niêm yết bổ sung hơn 19,5 triệu cổ phiếu vào ngày 26/5. Lượng cổ phiếu này sẽ giao dịch ngày đầu tiên vào 6/6. Đây là lượng cổ phiếu Hải An đã phát hành để trả cổ tức 2021 bằng cổ phiếu cho cổ đông với tỷ lệ 40%. Nguồn vốn thực hiện từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tổng giá trị theo mệnh giá là 195 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ của công ty lên 682 tỷ đồng. Ngoài ra, doanh nghiệp này còn trả thêm 10% cổ tức 2021 bằng tiền mặt (mỗi cổ phiếu nhận 1.000 đồng). Với 48,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Hải An sẽ phải bỏ ra 48,7 tỷ đồng để chi trả số tiền trên. Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/5, cổ phiếu HAH có giá 79.700 đồng/đơn vị, giảm 9% so với đỉnh lịch sử ngày 6/5. Tuy nhiên, thị giá HAH hiện tại gấp 4,3 lần cùng kỳ năm ngoái.

DVP: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 35%

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ ([HoSE: DVP](#)) công bố ngày 10/6 đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền mặt tỷ lệ 35%, 1 cổ phiếu được nhận 3.500 đồng. Ngày thanh toán 30/6, số tiền dự chi ra 140 tỷ đồng. Như vậy, tổng tỷ lệ cổ tức năm 2021 của Cảng Đình Vũ là 50% vốn điều lệ, tương đương 200 tỷ đồng. Công ty đã tạm ứng vào đầu năm tỷ lệ 15%. Năm 2022, doanh nghiệp cảng lên kế hoạch doanh thu 725 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 345 tỷ đồng; cùng tăng 19% so với thực hiện năm trước. Tỷ lệ cổ tức tối thiểu 30%. Quý I, đơn vị báo cáo doanh thu thuần 142,6 tỷ đồng, tăng gần 8%; lãi trước thuế 68 tỷ đồng, tăng 4,6% và lợi nhuận sau thuế 54 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước. Sau quý đầu năm, Cảng Đình Vũ thực hiện được khoảng 20% kế hoạch lợi nhuận năm.

APH: ngừng phương án phát hành 800 tỷ đồng trái phiếu

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ của An Phát Holdings ([HoSE: APH](#)), công ty trình các cổ đông thông qua không tiếp tục thực hiện phương án phát hành riêng lẻ tối đa 800 tỷ đồng trái phiếu đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Năm qua, công ty đã phát hành riêng lẻ thành công 450 tỷ đồng trái phiếu,

số lượng còn lại chưa phát hành sẽ không được thực hiện. Ngoài hủy phát hành trái phiếu, công ty cũng sẽ hủy kế hoạch đấu giá công khai 20 triệu cổ phiếu qua Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM. Năm nay, An Phát Holdings lên kế hoạch kinh doanh năm nay đạt 16.500 tỷ đồng, lãi sau thuế 585 tỷ đồng, lần lượt tăng 11,5% và 145% so với thực hiện năm 2021. Năm 2021, công ty ghi nhận doanh thu 14.784 tỷ đồng, tăng 74% so với thực hiện 2020, lợi nhuận sau thuế 238 tỷ đồng, giảm 2% so với cùng kỳ năm trước đó. Theo kế hoạch năm ngoài, doanh nghiệp này đề ra chỉ tiêu doanh thu 12.000 tỷ đồng, lãi sau thuế 590 tỷ đồng. Như vậy, An Phát Holdings đã vượt 23% kế hoạch doanh thu nhưng chỉ hoàn thành 40% chỉ tiêu lợi nhuận. Với kết quả trên, đơn vị này cũng dự kiến sẽ không chia cổ tức 2021 mà giữ lại dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

MSH: chốt quyền cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 50%

CTCP May Sông Hồng ([HoSE:MSH](#)) công bố ngày 8/6 là ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện 50%, cổ đông sở hữu hai cổ phần sẽ được nhận thêm một cổ phần mới. Trước đó, HĐQT đã ra nghị quyết phát hành 25 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ 50%. Nguồn thực hiện tối đa 250 tỷ đồng, là lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12 năm ngoài trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2021. Số cổ phiếu này được tự do chuyển nhượng. Vốn điều lệ sau phát hành tăng từ 500 tỷ đồng lên 750 tỷ đồng. Kết phiên giao dịch ngày 25/5, cổ phiếu MSH có giá 68.800 đồng/cp, giảm 32,2% so với mức đỉnh 101.500 đồng/cp giữa tháng 4.

CII chuẩn bị chia cổ phiếu thưởng tỷ lệ 14%

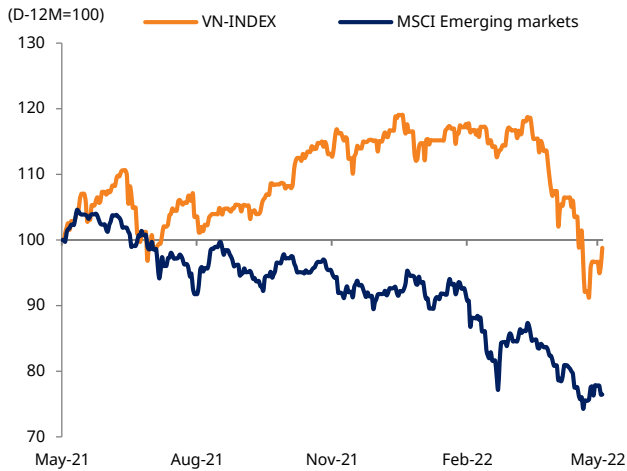
Đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP HCM ([HoSE: CII](#)) thông báo Nghị quyết HĐQT triển khai việc thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó, công ty sẽ phát hành khoảng 34 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 14%. Vốn điều lệ sau phát hành tăng từ 2.833 tỷ đồng lên 3.173 tỷ đồng. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên, lãnh đạo CII trình bày năm 2019, công ty có kế hoạch chia cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%, đã trả 10% và còn lại 2%. Đến năm 2020, cổ đông công ty tiếp tục thông qua việc chi trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 12%. Song, với kết quả kinh doanh lỗ lớn năm 2021, theo chuẩn mực kế toán, CII không thể thực hiện chi trả cổ tức này. Đồng thời, với năm 2022, công ty tiếp tục tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm đang đi vào giai đoạn hoàn thiện và thu hồi vốn. Do vậy, HĐQT trình và được cổ đông thông qua việc hủy trả cổ tức các năm trước bằng tiền mặt, thay vào đó sẽ phát hành cổ phiếu thưởng tỷ lệ 14%. Năm trước, chịu ảnh hưởng việc giãn cách xã hội kéo dài trong 2 quý cuối năm do dịch bệnh bùng phát, doanh thu CII sụt giảm mạnh dẫn đến khoản lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ 332 tỷ đồng.

PXL: bị xử phạt vì công bố thông tin không đúng thời hạn

Ngày 20/5, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với CTCP Đầu tư Khu Công nghiệp Dầu khí Long Sơn (PVC Idico - [UPCoM:PXL](#)). Quyết định có hiệu lực từ ngày 20/5. PVC Idico bị phạt 70 triệu đồng do công bố thông tin (CBTT) không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật một loạt các báo cáo trong thời gian 2017 -2021. Cụ thể, doanh nghiệp CBTT không đúng thời

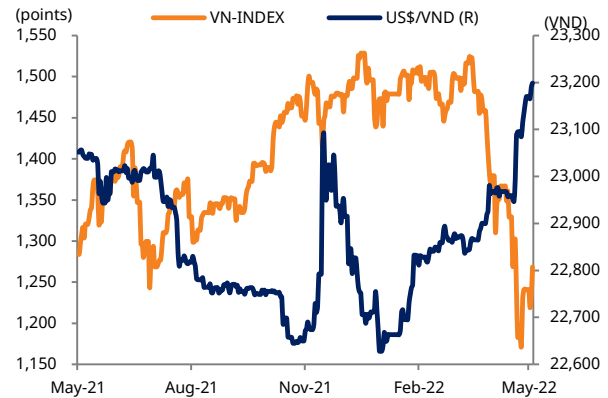
hạn đối với BCTC bán niên năm 2018 đã soát xét, giải trình ý kiến ngoại trừ của kiểm toán tại BCTC năm 2017; báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020; giải trình chênh lệch số liệu kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán, ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chênh lệch lợi nhuận sau thuế năm 2020 và năm 2019 trên 10% và chuyển từ lỗ sang lãi trên BCTC kiểm toán năm 2020; BCTC bán niên năm 2021 đã soát xét. Trên thị trường chứng khoán, cổ phiếu PXL kết phiên giao dịch ngày 25/5 tại mức 11.500 đồng/cp, giảm 51,3% so với mức đỉnh 23.600 đồng/cp cuối năm ngoái.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



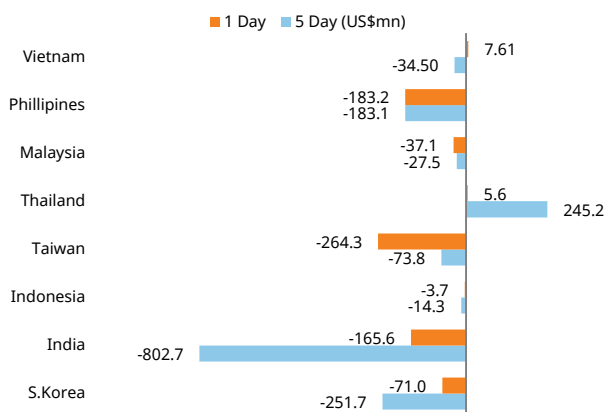
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



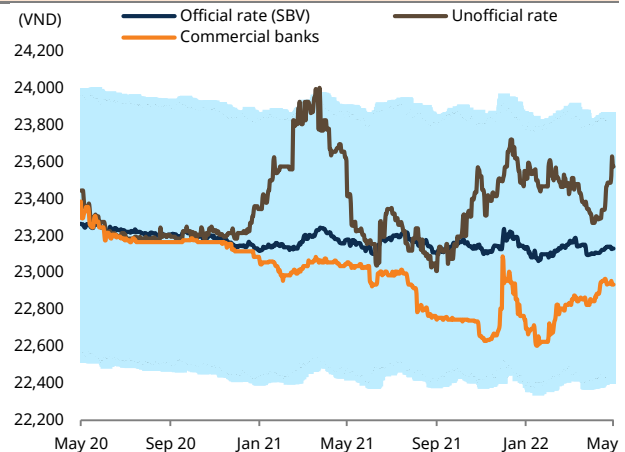
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



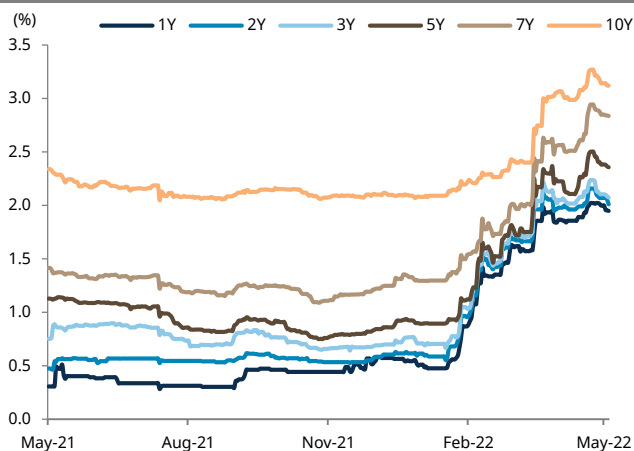
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



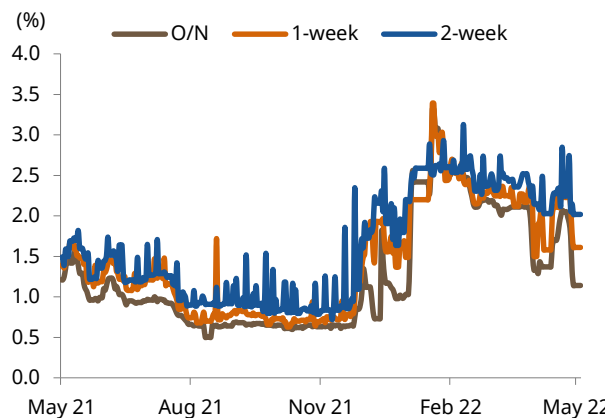
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,309.50	3,458,989		-0.1	2.1	-6.3	-10.0	12.3	10.6	2.3	1.9	38.5	16.1	19.6	21.3
Asia Commercial Bank	ACB VN	30,350	82,004	30.0	1.2	4.5	-1.8	-1.3	8.7	6.6	1.8	1.4	24.6	32.0	23.5	25.1
BIDV	BID VN	35,100	177,554	16.8	0.6	1.7	-4.9	-5.4	20.3	13.5	2.1	1.9	50.3	50.6	11.0	16.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	53,500	39,714	26.3	1.3	6.6	-13.6	-3.6	20.9	18.0	1.9	1.7	21.8	16.6	9.2	10.2
VietinBank	CTG VN	26,700	128,314	26.0	-0.7	3.1	-3.4	-33.1	9.1	5.9	1.4	1.2	18.2	53.5	15.8	20.3
FPT Corp	FPT VN	105,600	96,539	49.0	0.6	8.3	1.2	27.4	24.3	21.9	5.3	4.6	21.5	10.7	23.4	26.1
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	107,600	205,941	2.9	-0.7	3.0	-1.3	31.4	24.7	17.4	4.0	3.7	8.1	42.1	16.8	20.9
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,350	101,400	0.5	0.0	7.0	-11.1	-7.7	24.4	19.1	2.1	#N/A	10.3	27.9	8.7	10.8
HDBank	HDB VN	25,550	51,412	16.4	-0.4	4.9	4.3	-2.6	8.4	6.9	1.8	1.4	42.5	21.2	23.3	22.7
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	35,000	156,552	21.3	1.6	-7.0	-15.0	-30.3	4.9	5.1	1.7	1.3	151.5	-4.0	42.8	31.5
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	41,450	26,650	32.5	1.3	0.1	-11.7	22.9	23.1	19.2	2.6	2.2	3.1	20.3	12.2	13.3
MBBank	MBB VN	27,650	104,471	23.2	-1.4	2.4	-5.8	-0.5	8.2	6.7	1.8	1.4	53.0	23.6	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	108,600	153,847	28.7	-1.7	0.7	-6.4	14.7	17.9	26.8	4.7	4.0	589.7	-33.1	35.1	16.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	139,000	101,728	49.0	0.0	3.7	-6.6	43.9	20.2	15.5	4.9	4.1	18.2	29.7	27.3	27.6
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	78,000	152,083	6.4	-1.1	0.3	-3.7	3.8	42.9	26.4	4.3	3.7	-18.7	62.4	10.6	15.6
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,600	36,000	2.3	1.5	-0.4	-14.5	-2.3	20.0	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	42,550	54,064	17.1	2.8	5.1	-11.0	-23.1	23.8	15.7	2.2	1.6	160.6	51.3	9.7	13.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	114,300	27,702	52.2	-1.0	7.8	6.4	12.3	27.2	18.6	4.3	3.2	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,150	30,796	2.1	-1.9	2.7	1.2	12.9	17.4	17.4	1.1	1.0	-24.2	-0.1	6.2	5.9
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	153,000	98,116	62.7	-0.6	-2.2	-9.5	-6.6	27.8	22.6	4.6	4.1	-22.9	23.1	17.1	19.5
SSI Securities Corp	SSI VN	29,450	29,237	35.4	2.3	3.5	-14.6	8.9	11.4	10.6	2.0	#N/A	100.3	6.7	21.0	22.5
Sacombank	STB VN	22,400	42,229	20.7	-1.5	3.7	-18.2	-24.1	13.7	8.0	1.2	1.1	30.6	72.1	9.5	12.9
Techcombank	TCB VN	36,700	128,851	22.5	0.5	2.8	-11.6	-30.5	7.1	6.0	1.4	1.1	46.1	19.0	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	31,600	49,983	29.9	-0.9	0.6	-9.6	18.7	9.8	#N/A	1.9	1.6	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	76,700	362,984	23.6	-0.4	1.9	-4.7	-2.5	18.3	13.8	3.3	2.7	19.7	32.1	19.6	21.1
Vinhomes JSC	VHM VN	68,700	299,145	23.3	1.2	2.8	5.7	-15.5	7.6	9.0	2.4	1.9	40.9	-15.0	36.9	23.7
Vingroup JSC	VIC VN	77,700	296,343	12.5	0.0	-0.1	-0.4	-28.2	#N/A	123.9	2.9	2.9	-145.6	191.6	-2.8	2.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	125,000	67,701	16.8	-0.6	-0.2	-3.1	10.6	899.3	55.0	4.0	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,300	149,014	54.5	-0.8	4.7	-6.1	-21.6	15.8	15.9	4.5	4.3	-5.3	-0.8	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	31,050	138,032	17.5	-1.4	1.5	-14.7	-17.3	11.7	7.1	1.8	1.4	11.6	65.3	17.9	21.4
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,600	67,261	31.0	0.5	8.2	-4.7	-5.3	51.2	29.3	2.2	2.1	-44.8	75.0	4.4	7.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	0.14	5,030,440	0.0	2.2	-5.4	-3.7	35.3	17.6	14.7	12.5
Ô tô và phụ tùng	0.05	9,161	2.4	2.7	1.6	19.0	-0.1	11.9	15.2	13.6
Ngân hàng	-1.33	1,538,468	-0.3	2.2	-6.6	-8.5	33.7	34.7	11.2	8.3
Xây dựng cơ bản	0.59	254,967	0.9	4.3	-1.3	45.1	20.3	23.3	15.1	12.2
Dịch vụ thương mại	0.00	5,292	-0.2	-0.8	-3.0	16.6	-5.1	12.5	15.7	14.0
May mặc và trang sức	0.04	54,202	0.3	5.8	-1.9	17.9	11.4	40.4	20.6	14.7
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	7,594	0.6	1.6	-8.3	6.7	244.8	584.6	145.2	21.2
Dịch vụ tài chính	0.39	128,187	1.3	3.0	-13.3	14.4	139.0	8.6	8.4	7.8
Dầu khí	0.37	75,680	2.1	5.7	-6.0	-10.1	83.2	51.4	22.1	14.6
Thực phẩm, đồ uống	-0.86	523,727	-0.6	2.9	-5.0	8.1	26.1	7.6	20.1	18.7
Y tế	0.00	3,204	0.0	3.2	-9.2	59.7	45.2	36.6	26.4	19.4
Bảo hiểm	0.14	53,496	1.1	6.4	-10.9	10.0	27.1	10.6	18.0	16.3
Nguyên vật liệu	0.33	430,657	0.3	0.4	-11.3	21.4	118.7	-12.8	7.7	8.8
Dược phẩm	0.03	30,282	0.4	1.6	-5.5	5.5	9.1	4.7	16.7	15.9
Bất động sản	0.68	1,132,950	0.2	1.4	-1.1	-3.3	7.8	14.2	20.7	18.1
Bán lẻ	0.07	119,628	0.2	4.5	-6.6	70.5	33.8	26.8	19.6	15.5
Phần mềm và dịch vụ	0.15	103,938	0.6	7.8	0.7	30.5	22.6	19.3	24.4	20.5
Vận tải	-0.13	189,400	-0.3	0.9	-5.1	25.2	-1.5	76.2	#N/A	#N/A
Tiện ích	-0.48	338,155	-0.5	2.4	-1.3	26.8	10.1	-13.8	19.1	22.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	68,700	1.2	3,048,600	0.9
HPG VN	35,000	1.6	16,225,800	0.6
PLX VN	42,550	2.8	1,650,500	0.4
REE VN	83,800	4.5	1,634,100	0.3
BID VN	35,100	0.6	1,194,100	0.3
ACB VN	30,350	1.2	2,690,700	0.2
TCB VN	36,700	0.5	4,687,800	0.2
SBT VN	17,350	6.8	5,243,400	0.2
SSI VN	29,450	2.3	29,090,600	0.2
FPT VN	105,600	0.6	1,426,400	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	108,600	-1.7	834,000	-0.7
VPB VN	31,050	-1.4	8,627,400	-0.5
NVL VN	78,000	-1.1	3,253,700	-0.4
GAS VN	107,600	-0.7	565,300	-0.4
MBB VN	27,650	-1.4	7,260,800	-0.4
VCB VN	76,700	-0.4	978,900	-0.4
VNM VN	71,300	-0.8	1,530,800	-0.3
CTG VN	26,700	-0.7	3,780,600	-0.2
DPM VN	56,500	-3.9	4,441,100	-0.2
STB VN	22,400	-1.5	15,266,200	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.